

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Vẹn

Bà Nguyễn Thị Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1966; cư trú 30 Wall Street Noble Park Vic 3174 Australia (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đức V, sinh năm 1967; cư trú số 22 đường H, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2018 nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L trình bày:*

Năm 2006, bà và ông Huỳnh Đức V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thị xã Trà Vinh (nay là thành phố T), tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống, ông bà có hai con chung là Huỳnh Quốc M, sinh năm 1987, cư trú số 22 đường H, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và Huỳnh Thái Hồng T, sinh năm 1992, hiện đang định cư tại Australia.

Năm 2007, bà định cư ở Australia và từ đó không trở về Việt Nam. Do vợ chồng ở cách xa nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên hiện nay tình cảm

vợ chồng không còn. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Đức V. Về hai người con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai đề ngày 12/4/2019 bị đơn ông Huỳnh Đức V trình bày:*

Ông thống nhất như lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân và con chung, nợ chung. Về tài sản, ông V khai có 01 căn nhà là tài sản chung giữa ông và bà L tọa lạc tại số 22 đường H, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Tài sản này do bà L không tranh chấp nên ông cũng thống nhất không yêu cầu giải quyết. Nay xét thấy vợ chồng không khả năng đoàn tụ nên thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà L. Về con chung, tài sản chung ông cũng thống nhất với ý kiến của bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng L, cho bà Trương Thị Hồng L được ly hôn với ông Huỳnh Đức V. Về con chung, tài sản chung và nợ chung cả bà L và ông V đều không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

** Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án:*

- Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), 01 hộ chiếu của bà Trương Thị Hồng L (bản sao), 01 sổ hộ khẩu của ông Huỳnh Đức V (bản sao), 01 bản tự khai, 01 văn bản ủy quyền, 01 đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Huỳnh Đức V cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 bản tự khai, 01 đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:* Không có.

** Các tình tiết các bên đương sự thống nhất:*

Về hôn nhân: Bà L và ông V thống nhất ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Các tình tiết các bên đương sự không thống nhất:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L là người Việt Nam đang làm việc và sinh sống tại Australia khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh Đức V đang cư trú tại Trà Vinh (Việt Nam) nên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng, bà Trương Thị Hồng L và ông Huỳnh Đức V đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị Hồng L và ông Huỳnh Đức V.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà L và ông V kết hôn với nhau vào năm 2006 khi đó hai người cùng cư trú tại Việt Nam, nên việc kết hôn giữa bà L và ông V được Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95, quyển số 01 ngày 01/11/2006 là đúng theo đúng quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010). Vì vậy, quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông V là hợp pháp. Theo lời khai giữa bà L và ông V đều thừa nhận vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, điều kiện địa lý cách xa nên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ đó tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông V như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Cả bà L và ông V đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị Hồng L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 89 và Điều 104 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010).

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị Hồng L được ly hôn với ông Huỳnh Đức V.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0001665 ngày 11/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh được khấu trừ vào số tiền bà L phải chịu. Bà L đã nộp đủ án phí.

Án xét xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân phường 6, tỉnh Trà Vinh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực